

## Nhìn lại Khung phân loại DDC 14 - Bản dịch tiếng Việt



### Hội nhập thông tin với thế giới

Trong xu thế hội nhập, các chuẩn liên quan đến xử lý, lưu trữ và trao đổi thông tin đang được các nhà thư viện học Việt Nam nghiên cứu và tiếp cận để ngành thông tin - thư viện Việt Nam hòa nhập theo sự phát triển của ngành trên thế giới.

Sau khi bản dịch tiếng Việt DDC 14 được hoàn tất, ngày 16/8/2006 Thư viện Quốc gia Việt Nam (TVQG) chính thức công bố ấn bản tiếng Việt khung phân loại DDC 14 rút gọn gồm 1.065 trang, khổ 17 x 24cm. Với bản dịch này, tiếng Việt trở thành một trong hơn 30 ngôn ngữ của khung phân loại DDC được xuất bản chính thức.

Theo công văn số 1589/BVHT-TV ngày 7/5/2007 Bộ Văn hóa - Thông tin đã chính thức có chủ trương áp dụng ba tiêu chuẩn thư mục quốc tế phổ biến gồm MARC21, AACR2 và DDC trên toàn quốc. Chủ trương này vốn đã được ngành thư viện chờ đợi từ rất lâu và ở một góc độ nào đó nó thậm chí còn được ví như là "Việt Nam chính thức gia nhập WTO" trong lĩnh vực thư viện.

DDC là một khung phân loại mới tại Việt Nam, phương pháp phân loại theo DDC có những nguyên tắc, yêu cầu và hướng dẫn rất cụ thể và chặt chẽ, không thể tùy tiện suy diễn. Trong khi chúng ta còn rất ít kinh nghiệm, và thực tế đã có những hiểu lầm, sai sót cũng như lúng túng, nhất là đối với các vấn đề đặc thù của Việt Nam. Đánh giá việc sử dụng DDC 14 tại các thư viện Việt Nam, TVQG cho thấy DDC 14 đã được áp dụng rộng rãi tại hệ thống các thư viện công cộng và thư viện các trường đại học dù vẫn còn nhiều khó khăn do chưa thống nhất việc sử dụng một bản phân loại cụ thể (hiện nay vẫn đang tồn tại việc sử dụng nhiều bản DDC xuất bản khác nhau như 14 (rút gọn), 19, 20, 21, 22 (đầy đủ)). Việc áp dụng rộng rãi khung DDC đã chứng minh được tính ưu việt của khung phân loại này trong việc tổ chức tài liệu trong các thư viện. Nhu cầu sử dụng thống nhất một bảng phân loại trong toàn quốc đã được đặt ra, và bản DDC 22 kết hợp với phần mở rộng về Việt Nam của DDC 14 là thích hợp cho các hệ thống thư viện ở nước ta. TVQG đã tiến hành dịch bổ sung một số phần từ bản đầy đủ DDC 22 và trong tương lai sẽ tiếp tục dịch bổ sung các phần được cập nhật mới nhất của bảng phân loại này.

### Phần mở rộng của DDC 14

Mỗi khung phân loại khi được biên soạn ra đều chịu ảnh hưởng rất lớn từ quốc gia nơi biên soạn ra nó, có những phần có thể áp dụng nguyên bản gốc, có những mục phải mở rộng cho phù hợp với điều kiện cụ thể của nơi áp dụng. Để khắc phục một phần khuynh hướng thiên về Anh, Mỹ và tạo điều kiện thuận lợi cho công tác phân loại của các thư viện Việt Nam, Ban dịch Việt đã đề nghị OCLC và Thư viện Quốc hội Hoa Kỳ (Cơ quan biên tập và phát triển DDC) chủ trương đưa vào bản dịch tiếng Việt một số phần mở rộng có liên quan đến lịch sử, địa lý, văn học, ngôn ngữ, các dân tộc ở Việt Nam, các đảng phái chính trị, chủ nghĩa Mác – Lênin theo nguyên tắc DDC 22 cụ thể như sau:

\* **Về môn loại lịch sử**, chỉ số phân loại DDC 14 dành cho Việt Nam là 959.704 phản ánh thời kỳ từ 1949 đến nay với ghi chú xếp thời kỳ (1900- 1949) vào 959.7. Còn trong DDC 22, có thêm một mục riêng 959.703 dành cho (thời kỳ từ tiền sử tới 1949), còn mục 959.704 thì đã khá chi tiết.

Ví dụ: *Một chuyến du hành đến xứ Nam Hà (1792-1793)* có ký hiệu là: **959.7028**

959.7 Việt Nam (BC)

.702 8 Thời kỳ lịch sử (BC)

\* **Về Bảng phụ địa lý** (bảng 2), DDC 14 mới chỉ có trợ ký hiệu -597 dành cho Việt Nam. Ban biên dịch Việt hóa đã đề nghị chi tiết hoá ký hiệu

-597 bằng cách thêm vào ký hiệu nói trên chữ số thứ 4 cho các miền (Thượng du, Trung du, Châu thổ Bắc bộ, Bắc Trung bộ, Cao nguyên Trung bộ; Duyên hải Trung bộ v.v...), chữ số thứ 5 cho các thành phố và các tỉnh, chữ số thứ 6 cho các thị xã, quận, huyện.

Ví dụ: *Lịch sử công an nhân dân Hà Tây (1954-1975)* có ký hiệu là: **363.20959732**

363.2 Hoạt động cảnh sát (BC)

-09 Lịch sử, địa lí (B1)

-597 32 Hà Tây (B2)

\* **Các nhóm dân tộc ở Việt Nam** chỉ số phân loại trong DDC 22 (các nhóm dân tộc và sắc tộc cụ thể) là 305.895 (các dân tộc Đông Nam Á) trong DDC 14 đã được chỉnh lý cụ thể hóa và mở rộng rất nhiều để bao quát 54 dân tộc hiện đang cư trú trên lãnh thổ Việt Nam

Ví dụ: 305.89591 các dân tộc Tày - Thái

305.895922 người Việt (người Kinh)

305.895972 người Mông (Mèo)

305.895978 người Dao

Ví dụ: *Văn hóa người Mường huyện Kim Bôi tỉnh Hòa Bình*

**305.89592400959719**

305.895924 Người Mường (BC)

305.895924001 - 305.895924009 Tiểu phân mục chung

-09 Lịch sử, địa lí (B1)

-59719 Hòa Bình (B2)

\* **Văn học Việt Nam** cũng được mở rộng trên cơ sở ký hiệu 895.922 của DDC 22, các chuyên gia Thư viện Quốc Hội Hoa Kỳ, bằng kinh nghiệm, qui tắc và nguyên tắc nghiệp vụ, đã giúp đưa ra bảng phân loại chi tiết cho ấn bản tiếng Việt DDC 14

Ví dụ: *Xuân Quỳnh - thơ và đời* có chỉ số phân loại là: **895.922134**

895.922 Văn học Việt Nam (BC)

1 Thơ (B3)

34 Thời kỳ (BC)

\* **Về Ngôn ngữ Việt Nam** căn cứ vào tài liệu và cấu trúc của DDC 22 đã đề nghị mở rộng như sau: Trước hết là nhóm ngôn ngữ Việt Mường thuộc ngữ hệ Nam Á (Việt, Mường, Thổ, Chứt) trong đó tiếng Việt (Kinh) 495.922 (ở đây, xếp chữ quốc ngữ, còn chữ Nôm được chi tiết hoá thêm một cấp, xếp vào 495.9229), tiếng Mường 495.924, tiếng Thổ 495.926, tiếng Chứt 495.928. Các ngôn ngữ khác của dân tộc thiểu số Việt Nam, được xếp vào ngữ hệ và nhóm ngôn ngữ tương ứng, thí dụ, các biến thể của tiếng Trung Quốc được nói ở Việt Nam (Hoa, Hán, Ngái, Sán Dìu) xếp vào 495.17; các ngôn ngữ thuộc họ Lô lô (Hà nhì, La hủ, Phù lá, Lô lô, Cống, Si la) xếp vào nhóm Tạng-Miền 495.4,...

Ví dụ: *Từ vựng học tiếng Việt* có ký hiệu là: **495.92282**

495.922 Tiếng Việt (BC)

\* Thêm vào chỉ số cơ bản như được chỉ dẫn dưới 420-490

-82 Thể hiện theo cấu trúc (B4)

\* **Về các đảng phái chính trị**, các biên tập viên đã thống nhất ý kiến mở rộng ký hiệu 324.2597 Các đảng phái ở Việt Nam theo cấu trúc của DDC 22

Ví dụ: *Đảng bộ tỉnh Nghệ An* có ký hiệu là: **324.2597070959742**

324.259707 Đảng cộng sản Việt Nam (BC)

.2597075 Các thời kỳ cụ thể trong lịch sử Đảng (BC)

[.259707501-.259707509] Tiểu phân mục chung

Không dùng; xếp vào 324.25970701- 324.25970709

59742 Nghệ An (B2)

Về kí hiệu lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam chia theo thời kỳ cụ thể có nhiều ý kiến cho rằng không ghép kí hiệu địa lý nước 2 lần (597) trong một chỉ số phân loại vì như thế là lặp lại, nhưng theo nguyên tắc chỉ dẫn của DDC 22 thì kí hiệu 59742 là kí hiệu địa lí của tỉnh và bắt buộc ghép nếu chỉ số phân loại chia nhỏ đến tỉnh thành phố. Ví dụ trong chỉ dẫn của DDC 22:

Các đảng phái ở Pháp có ký hiệu là: 324.24400944361

Đảng cộng sản Pháp có ký hiệu là: 324.244075

Đảng cộng sản Pháp ở Paris có ký hiệu là: 324.2440750944361

\* **Về Chủ nghĩa Mác - Lênin** được mở rộng bằng cách đưa hầu như nguyên văn các mục chi tiết của ấn bản đầy đủ DDC 22 có liên quan đến chỉ số phân loại 320 - Hệ tư tưởng chính trị, trong đó 320.532 là ký hiệu dành cho chủ nghĩa cộng sản (như một hệ tư tưởng chính trị), 320.532 2 dành cho chủ nghĩa Mác-Lênin và 335 - Chủ nghĩa xã hội và các hệ thống liên quan, trong đó 335.4 là ký hiệu dành cho các hệ thống Mácxít, 335.411

2 dành cho chủ nghĩa duy vật biện chứng, 335.411 9 dành cho chủ nghĩa duy vật lịch sử, 335.43 dành cho chủ nghĩa cộng sản (chủ nghĩa Mác-Lênin).

Ví dụ: *Triết học Mác – Lênin* có ký hiệu là: **335.411**

335.4 Hệ thống Mácxít(BC)

.411 Nền tảng triết học(BC)

\* **Về Tư tưởng Hồ Chí Minh** dùng 335.4336 cho các tác phẩm tổng hợp về tư tưởng Hồ Chí Minh và tư tưởng Hồ Chí Minh về Chủ nghĩa cộng sản ở Việt Nam.

Ví dụ: *Toàn tập Hồ Chí Minh*

335.4346 Chủ nghĩa cộng sản Việt Nam

Xếp vào mục này tư tưởng Hồ Chí Minh

- Dùng 335.4 cho tác phẩm về tư tưởng Hồ Chí Minh về Chủ nghĩa cộng sản nói chung.

Ngoài ra tuân theo nguyên tắc của DDC là phân tích theo chủ đề; các tác phẩm tư tưởng Hồ Chí Minh bàn về chủ đề nào thì xếp vào chủ đề đó

Ví dụ: - *Bác Hồ với châu Phi* có ký hiệu là: **959.704** (đưa về lịch sử Việt Nam 1945 - là thời gian Bác hoạt động ở châu Phi).

- Quan điểm của chủ tịch Hồ Chí Minh về công tác tài chính đưa về **332** Kinh tế học tài chính.

\* *DDC có Bảng chỉ mục quan hệ* (Relative Index) bao gồm tất cả các tiêu đề chủ đề và các phụ đề có trong nội dung của bảng chính (BC), được sắp xếp theo trật tự chữ cái, mỗi khái niệm đều có các ký hiệu phân loại tương ứng kèm theo nhằm giúp cho việc sử dụng khung phân loại được dễ dàng. Đặc biệt ở DDC 14 bản dịch tiếng Việt Bảng chỉ mục quan hệ đã được biên soạn và chỉnh lý lại cho phù hợp với đặc điểm ngôn ngữ tiếng Việt và thói quen sử dụng các điểm truy cập của cán bộ phân loại Việt Nam, bổ sung các từ đồng nghĩa.

Ví dụ: Lợn = Heo Người thiếu năng = Người khuyết tật

hoặc thêm bớt các từ bỏ nghĩa ví dụ: Đường (thực phẩm) sv. Sugar

Đường (giao thông) sv. Roads

Và làm các tham chiếu xem thêm v.v...

\* **Những mặt hạn chế của DDC 14**

Ấn bản DDC 14 xuất bản năm 2004 là bản rút gọn từ ấn bản đầy đủ xuất bản lần thứ 22 chỉ thích hợp cho các thư viện đại chúng có số lượng sách dưới 20.000 tên sách, vì vậy ở một số lớp chỉ số phân loại không được phân chia chi tiết mà thường để ở mức độ khái quát, các chỉ số chi tiết được liệt kê trong các bản đầy đủ được thay thế bằng ghi chú “Bao gồm cả”, các chú thích sửa đổi “không được tiếp tục”, “định vị lại”, và “không dùng” thông báo những thay đổi và áp dụng đặc biệt của ấn bản này.

Như đã nêu ở trên, ghi chú “Bao gồm cả” không có hiệu lực phân cấp nghĩa là không được dùng kỹ thuật tạo lập chỉ số và không được ghép với Tiểu phân mục chung, hay “không dùng” đều không được sử dụng tiếp tục.

Ví dụ: Chăn nuôi vịt có ký hiệu ở DDC 14 là: 636.5

636 chăn nuôi

.5 gia cầm gà (bao gồm cả vịt, ngỗng, chim công, gà lôi, gà tây).

Ký hiệu được ghép ở DDC 22 là: 636.597071 (DDC 22)

636 chăn nuôi (animal husbandry)

.5 gia cầm gà (poultry chickens)

.597 vịt (ducks)

- Nhiều khái niệm rất khó tìm chỉ số phân loại do những ghi chú phạm vi của các chỉ số phân loại quá khái quát, không rõ ràng, ví dụ lớp 649. *Nuôi dạy con; chăm sóc người thiếu năng và ốm đau tại nhà*: Phần này bao gồm cả các hoạt động sáng tạo, giáo dục trước tuổi đến trường tại nhà, giáo dục giới tính, đào tạo, tác phẩm tổng hợp nuôi con bằng sữa mẹ. Hoặc thuật xem phong thủy của Phương Đông không biết để ở đâu...

- DDC 14 chỉ có 4 bảng phụ trợ, không có bảng phụ trợ 5 phản ánh các khái niệm về dân tộc, chủng tộc liên quan đến nội dung tài liệu và bảng phụ trợ 6 phản ánh hệ thống các ngôn ngữ khác nhau trên thế giới được nhóm theo họ ngôn ngữ như ở bản đầy đủ DDC 22, do đó sẽ gây khó khăn cho các thư viện lớn hay các thư viện có nhiều tài liệu khoa học chuyên ngành.

Ví dụ 1: *Kinh thánh bằng tiếng Pháp* có ký hiệu ở DDC 22 là: **220.541**

220.53 - .59 Bản dịch sang một ngôn ngữ khác (ngoài tiếng Anh)

Thêm vào chỉ số cơ bản 220.5 ký hiệu 3-9 từ bảng 6, ví dụ kinh thánh bằng tiếng Đức 220.531

-41 Tiếng Pháp (B6)

Trong khi sử dụng DDC 14 ta có chỉ số phân loại là: 220.5

220.1 -220.9 Những vấn đề chung

.5 Dị bản và bản dịch hiện đại (bằng bất kỳ ngôn ngữ nào)

Ví dụ 2: *Nghệ thuật đồ gốm của người Trung Quốc* ký hiệu ở DDC 22 là: **738.089951**

738 Nghệ thuật đồ gốm (BC)

738.01 - .09 Tiểu phân mục chung (BC)

-089 Nhóm sắc tộc và dân tộc (B1)

-951 Người Trung Quốc (B5)

Trong khi sử dụng DDC 14 ta có ký hiệu là: **738.0951**

738 Nghệ thuật gốm (BC)

-09 Lịch sử địa lí con người

Xếp vào đây các nhãn hiệu đồ gốm

-51 Trung Quốc (B2)

Ấn bản DDC 14 rút gọn tiếng Việt trong phần 738 không có phần tóm lược chung và tiểu phân mục chung 738.01 - .09 nên xếp tất cả lịch sử địa lí con người vào -09.

DDC 14 là bản rút gọn với sự giản lược tới mức chặt hẹp cũng như việc thiếu các bảng phụ tỏ ra không phù hợp cho các thư viện chuyên ngành, khoa học công nghệ có lượng tài liệu chuyên sâu về các lĩnh vực khoa học.

### **Kết luận và kiến nghị**

Ấn bản tiếng Việt DDC 14 ra đời nhìn chung đã đáp ứng được phần nào nhu cầu phân loại tài liệu phù hợp với tình hình chính trị, kinh tế, xã hội của Việt Nam. Tính chính xác của bản dịch nói chung và thuật ngữ nói riêng cơ bản là tốt, tuy nhiên một số thuật ngữ còn chung chung, chưa cụ thể. Phần hướng dẫn sử dụng phân loại rất chi tiết và có hệ thống song song còn nhiều chỗ khó hiểu cần làm rõ hơn.

Để có một bản dịch DDC 22 hoàn chỉnh phù hợp với hoàn cảnh của Việt Nam hiện nay cần đề nghị Ban dịch mở rộng thêm hơn nữa một số lĩnh vực đặc thù về Việt Nam như:

- Ca dao dân gian của Việt Nam; Các lễ hội văn hóa tín ngưỡng của Việt Nam.
- Tài liệu về lịch sử Phật giáo, các vị sáng lập và tình hình phát triển Phật giáo, các trường phái Phật giáo.
- Mục về vấn đề tâm linh, văn hóa tâm linh, văn hóa vật thể, phi vật thể chưa rõ ràng, chỉ để ở mục chung là: 306.09597.
- Các phương pháp điều trị bệnh theo Đông y hay y học cổ truyền của Việt Nam.
- Cụ thể hóa một số chỉ số phân loại các văn bản luật ở Việt Nam (luật công chức, luật người cao tuổi...). Cần dịch chi tiết hơn nữa cho mục Luật (đặc biệt là Luật dân sự).
- Tài liệu địa chí.
- Chỉ số phân loại từ 330-332 (lĩnh vực kinh tế thì đa dạng, nhưng phiên bản dịch 14 không có mở rộng nhiều cho các chỉ số phân loại trong môn loại này).
- Mở rộng chỉ số phân loại cho các tổ chức đoàn thể của Việt Nam (Đảng CSVN, Đoàn TNCSHCM, Mặt trận tổ quốc, Đội thiếu niên tiền phong...).

Những thư viện lớn có số lượng tài liệu nhiều và chuyên sâu về các lĩnh vực chuyên ngành, khoa học cụ thể như TV các trường đại học hay Viện nghiên cứu, TVQG... nên dùng DDC bản đầy đủ (bản DDC 22, 23). Về lâu dài, cộng đồng thông tin thư viện Việt Nam cần nghiên cứu phân loại tự động theo DDC. Trong thế kỷ trước, vai trò của các khung phân loại thư viện đã được nâng cao như là công cụ để định vị tài liệu trên giá, tìm lướt tài liệu qua mục lục trực tuyến (OPAC), và hiện nay để tổ chức và tiếp cận các nguồn số hóa trong môi trường kết nối mạng.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. DDC 14.-H.: Thư viện Quốc gia Việt Nam, 2006.- 1068tr.
2. DDC 22.- Dublin, Ohio: OCLC, 2003.- 4 vol.
3. Nguyễn Thị Lan Hương. Nghiên cứu áp dụng khung phân loại DDC ấn bản rút gọn tiếng Việt 14 tại Thư viện Quốc gia Việt Nam: Luận văn thạc sĩ Thông tin Thư viện.- H.: Trường Đại học Văn hóa Hà Nội, 2010.- 120tr.
4. Nguyễn Thị Lan Hương. Ứng dụng khung phân loại DDC 14 vào kho đọc sách tự chọn tại TVQG//Tạp chí Thư viện Việt Nam. - 2011. - Số 2 (28). - tr.7-11.
5. Sơ kết 3 năm áp dụng khung phân loại DDC trong ngành Thư viện Việt Nam: Kỷ yếu hội nghị: Sapa, 22-23/9/2009.- H.: Thư viện Quốc gia Việt Nam. - 2009. - 168tr.
6. Vũ Văn Sơn. Tình hình dịch và mở rộng khung DDC ở Việt Nam// Thông tin tư liệu. - 2005. Số 5.- tr.8-15.

---

**ThS. Nguyễn Thị Lan Hương**

Thư viện Quốc gia Việt Nam

Nguồn: Tạp chí Thư viện Việt Nam số 5(31) – 2011 (tr.8-12)